| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NAM ĐÀN**<br>**TỈNH NGHỆ AN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |
| Số: **105**/2019/QĐST-HNGĐ | *Nam Đàn, ngày 02 tháng 8 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 146/2019/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2019, giữa:

- Chị Trần Thị V; sinh năm 1995.

Nơi ĐKHKTT: Xóm H, xã NC, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Xóm X, xã HL, huyện HN, tỉnh Nghệ An.

- Anh Nguyễn Văn C; sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Xóm H, xã NC, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào điều 212, điều 213 và điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2019;

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị V và anh Nguyễn Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị V và anh Nguyễn Văn C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2018 cho chị Trần Thị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng

thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và các khoản nợ của vợ chồng: Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị V chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002267, ngày 21 tháng 6 năm 2019. Chị Trần Thị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được Thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nam Đàn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn;
- UBND xã NC, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An;
- UBND xã HL, huyện HN, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**
*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Lài**